

Bản án số: 28/2025/DS-ST
Ngày: 12/3/2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích;

2. Bà Đào Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyết là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 459/2024/TLST-DS, ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXX-ST ngày 24 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Ngọc H**, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thành P**, sinh năm 1996 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà **Huỳnh Kim T**, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Sơn H1**, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 03/7/2024, Bản tự khai ngày 25/11/2024 và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc H là anh Nguyễn Thành P trình bày như sau:*

Trước đây, bà H có chơi hụi do bà Huỳnh Kim T làm chủ, cụ thể như sau:

Dây thứ 1: Hụi khui ngày 20/01/2022 âm lịch, mệnh giá 5.000.000 đồng, hụi gồm 22 phần, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 20 âm lịch hằng tháng, bà H tham gia chơi 01 phần, phần hụi này, bà T tuyên bố bẻ hụi giữa chừng, còn nợ lại bà H số tiền 80.830.000 đồng.

Dây thứ 2: Hụi khui ngày 05/10/2022 âm lịch, mệnh giá 5.000.000 đồng, hụi gồm 13 phần, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 05 âm lịch hằng tháng, phần hụi này, bà T tuyên bố bẻ hụi giữa chừng, còn nợ lại bà H số tiền 51.560.000 đồng.

Dây thứ 3: Hụi khui ngày 15/5/2023 âm lịch, mệnh giá 5.000.000 đồng, hụi gồm 20 phần, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 05 âm lịch hằng tháng, bà H tham gia chơi 01 phần, phần hụi này, bà T tuyên bố bẻ hụi giữa chừng, còn nợ lại bà H số tiền 16.040.000 đồng.

Tổng 03 dây hụi bà T nợ bà H là 148.430.000 đồng. Sau đó, bà T có trả được 37.000.000 đồng nên còn nợ lại 111.430.000 đồng.

Trước đây, tại Đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bà T trả lại số tiền hụi 144.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 10%/năm từ ngày khởi kiện (03/7/2024) cho đến khi giải quyết xong. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi 37.000.000 đồng, rút yêu cầu tính lãi số tiền hụi, nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Kim T trả số tiền nợ hụi 111.430.000 đồng và không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Ông Trần Sơn H1 là chồng của bà Huỳnh Kim T, biết việc bà T làm chủ hụi, việc làm chủ hụi của bà T cũng phục vụ mục đích chung trong gia đình. Vì vậy, bà Phan Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Kim T, ông Trần Sơn H1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi là 111.430.000 đồng và không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Huỳnh Kim T trình bày như sau:*

Bà thừa nhận trước đây làm chủ hộ và bà H có tham gia chơi hộ 03 dây như nguyên đơn trình bày. Sau đó, do hoàn cảnh khó khăn, bế hộ nên bà xin bà H chỉ lấy lại tiền vốn là 148.430.000 đồng, bà T thừa nhận còn nợ số tiền này. Tuy nhiên, từ đó đến nay, bà T nhiều lần gửi tiền trả cho bà H cụ thể ngày 30/9/2023 âm lịch trả 35.000.000 đồng; ngày 03/01/2024 trả 2.000.000 đồng, ngày 22/6/2024 âm lịch trả 20.000.000 đồng. Những lần trả tiền này do bà và chồng là ông Trần Sơn H1 đưa tiền cho bà H, không có giấy tờ, chứng cứ gì, không có ai chứng kiến. Vậy, hiện bà chỉ còn nợ bà H số tiền hộ là 91.430.000 đồng. Do đó, đối với yêu cầu của bà H thì bà T không đồng ý vì bà chỉ còn nợ bà H số tiền 91.430.000 đồng, bà T đồng ý trả số tiền này nhưng xin trả dần 500.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ, nếu có thêm sẽ trả thêm.

Trước đây, khi làm chủ hộ, việc làm này, chồng bà là ông Trần Sơn H1 có biết và khi làm hộ có dư thì dùng tiền để trang trải cuộc sống sinh hoạt chung cho gia đình.

** Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Trần Sơn H1 có ý kiến như sau:*

Ông thừa nhận có biết việc bà T là vợ ông làm chủ hộ tại nhà, khi làm hộ có dư thì dùng tiền để trang trải cuộc sống sinh hoạt chung cho gia đình. Tại phiên tòa, ông cũng đồng ý liên đới trả nợ cùng bà T. Đối với số tiền 20.000.000 đồng trả cho bà H vào ngày 22/6/2024 âm lịch là ông trực tiếp đưa cho bà H nhưng không có giấy tờ, chứng cứ gì chứng minh cũng không có ai chứng kiến sự việc. Ông cũng thống nhất ý kiến với bà T, thừa nhận chỉ còn nợ bà H số tiền 91.430.000 đồng, đồng ý trả số tiền này nhưng xin trả dần 500.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ, nếu có thêm sẽ trả thêm.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện

đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì các đương sự có chấp hành tốt.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về hui, họ, biêu, phường; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc H đối với bà Huỳnh Kim T, ông Trần Sơn H1 về việc tính lãi số tiền hui và số tiền hui 37.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc H. Buộc bà Huỳnh Kim T, ông Trần Sơn H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị Ngọc H số tiền hui 111.430.000 đồng (Một trăm mười một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng). Ghi nhận sự tự nguyện bà H không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phan Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Kim T trả số tiền nợ hui. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp hui” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào Đơn xác nhận địa chỉ nơi cư trú của Công an xã V thì bà Huỳnh Kim T có đăng ký thường trú tại ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hui 37.000.000 đồng, rút yêu cầu tính lãi số tiền hui, nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Kim T trả số tiền nợ hui 111.430.000 đồng và không yêu cầu tính lãi số tiền trên. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Về nội dung vụ án:*

[4] Bà Phan Thị Ngọc H khởi kiện cho rằng có tham gia chơi 03 dây hụi do bà Huỳnh Kim T làm chủ và bà T còn nợ lại số tiền 111.430.000 đồng đến nay chưa trả. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền nợ hụi 111.430.000 đồng (Một trăm mười một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

[4.1] Xét, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T thừa nhận bà H có tham gia chơi 03 dây hụi như lời bà H trình bày, bà T thừa nhận còn nợ số tiền hụi của 03 dây hụi là 148.430.000 đồng. Thấy rằng, đây là sự thừa nhận của các bên đương sự, là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.2] Quá trình giải quyết vụ án, bà T khai rằng đã trả cho bà H số tiền nợ hụi 57.000.000 đồng như sau ngày 30/9/2023 âm lịch trả 35.000.000 đồng; ngày 03/01/2024 trả 2.000.000 đồng, ngày 22/6/2024 âm lịch trả 20.000.000 đồng nhưng không có lập văn bản, không có giấy tờ, không có ai chứng kiến và bà H cũng không thừa nhận có sự việc trả nợ này. Bà H chỉ thừa nhận bà T đã trả 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng) và còn nợ lại số tiền hụi 111.430.000 đồng (Một trăm mười một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng). Tòa án đã ra yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh nhưng bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh thể hiện việc đã trả nợ cho bà H.

Thấy rằng, bị đơn bà T phản đối đối với các yêu cầu, tài liệu, chứng cứ của bà H thì phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó nhưng bà T không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ việc theo những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc là đúng quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những căn cứ trên có cơ sở xác định rằng, yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc H đối với bà Huỳnh Kim T phải trả số tiền hụi 111.430.000 đồng (Một trăm mười một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ liên đới: Bà Phan Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Kim T, ông Trần Sơn H1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi.

Xét thấy, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà T, ông H1 đều thừa nhận rằng việc khi làm chủ hụi, việc làm này, chồng bà là ông Trần Sơn H1 có biết và khi làm hụi có dư thì dùng tiền để trang trải cuộc sống sinh hoạt chung cho gia

đình. Tại phiên tòa, ông Trần Sơn H1 đồng ý liên đới cùng bà Huỳnh Kim T trả nợ cho bà Phan Thị Ngọc H. Vì vậy, căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu buộc Huỳnh Kim T, ông Trần Sơn H1 liên đới trả nợ của bà Phan Thị Ngọc H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về việc trả dần: Tại phiên tòa, bà Huỳnh Kim T, ông Trần Sơn H1 yêu cầu xin trả dần số tiền nợ hụi 91.430.000 đồng, trả 500.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ, nếu có thêm sẽ trả thêm nhưng phía nguyên đơn không đồng ý.

Xét thấy, việc trả dần của các bên thuộc giai đoạn thi hành án. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

[7] Về yêu cầu tính lãi suất: Bà Phan Thị Ngọc H không yêu cầu tính lãi số tiền hụi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] LỜI đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do rút một phần yêu cầu khởi kiện và được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên bà Phan Thị Ngọc H không phải chịu án phí và bà Huỳnh Kim T, ông Trần Sơn H1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí theo quy định.

Cụ thể:

$111.430.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.571.500 \text{ đồng}$ (Năm triệu năm trăm bảy mươi một nghìn năm trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147, Điều 192, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về hụi, họ, biếu, phường.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc H đối với bà Huỳnh Kim T, ông Trần Sơn H1 về số tiền hụi 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng) và yêu cầu tính lãi số tiền hụi.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc H đối với bà Huỳnh Kim T, ông Trần Sơn H1 về việc “Tranh chấp hụi”.

3. Buộc bà Huỳnh Kim T, ông Trần Sơn H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị Ngọc H số tiền hụi là 111.430.000 đồng (Một trăm mười một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị Ngọc H không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Huỳnh Kim T, ông Trần Sơn H1 có nghĩa vụ liên đới phải chịu số tiền án phí là 5.571.500 đồng (Năm triệu năm trăm bảy mươi một nghìn năm trăm đồng).

H2 lại cho bà Phan Thị Ngọc H số tiền án phí đã nộp là 3.600.000 (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006843 ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Long Hồ